

Số: /BC-THCS&THPTNK

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện tài chính năm 2023 và năm học 2022-2023 trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 1714/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng về phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023 và bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ Quyết định ban hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2023-2024;

Nay nhà trường xin báo cáo tình hình thực hiện tài chính năm 2023 và năm học 2022-2023 trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2023-2024 đến thời điểm 27/9/2023 như sau:

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN KINH PHÍ	NGÂN SÁCH (Năm 2023)	HỌC PHÍ (Năm 2023)	DỊCH VỤ VỆ SINH (Năm học 2022-2023)
I. SỐ THU/CẤP	16.865.136.998	353.309.920	111.840.000
Trong đó:			
- Nguồn thường xuyên	15.241.406.000		
- Nguồn không thường xuyên	1.314.097.087		
- Nguồn Cải cách tiền lương	309.633.911	353.309.920	
II. SỐ CHI	11.148.464.537	305.807.804	111.840.000
Nguồn thường xuyên	10.258.440.010		
1. Chi lương và các khoản phụ cấp	7.313.149.311		101.400.000
2. Các khoản nộp BHXH, YT, TN	1.348.914.491		
3. Phúc lợi tập thể (lễ, tết, trợ cấp tổ văn phòng, đám hiếu, hi...)	283.457.590		
4. Tiền thưởng			
5. Thanh toán khác cho cá nhân	28.553.600		
6. Tiền điện, nước, vệ sinh, mạng Internet, điện thoại, báo	207.751.471		9.440.000
7. Vật tư văn phòng	58.581.800		
8. Thông tin liên lạc, tuyên truyền	54.151.714		

9. Công tác phí theo quy định	148.236.000		
10. Chi phí thuê mướn	358.647.895		
11. Sửa chữa, duy tu tài sản	50.578.800		
12. Mua sắm tài sản phục vụ CM	19.680.000		
13. Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	269.791.582		
14. Phần mềm công nghệ thông tin	6.000.000		
15. Chi tiếp các đoàn kiểm tra	43.580.000		
16. Phụ cấp cấp ủy	30.114.000		
17. Chi khác	37.251.756		1.000.000
Nguồn không thường xuyên	594.293.585		
1. Phụ cấp dạy HS khuyết tật	77.057.585		
2. Trợ cấp Tết	211.140.000		
3. Hỗ trợ chi phí học tập	27.170.000		
4. Tổ chức 2 kỳ thi	278.926.000		
Nguồn cải cách tiền lương	295.730.942	305.807.804	
1. Sở tài chính thu hồi	205.000.000		
2. Chi lương tăng thêm theo ND 24/2023	90.730.942	305.807.804	
TỔN	5.716.672.461	47.502.116	0
1. Nguồn thường xuyên	4.982.965.990		
2. Nguồn không thường xuyên	719.803.502		
3. Nguồn cải cách tiền lương	13.902.969	47.502.116	

NGUỒN KHÁC:

1. Nguồn BHYT trích chăm sóc sức khỏe ban đầu HS:

- Số dư đầu năm 2023: 54.480.135 đồng.
- Tổng thu tiền điện, nước: 40.514.223 đồng.
- Tổng chi đến 27/9/2023: 26.197.400 đồng. (Bao gồm: Tiền xét nghiệm mẫu nước uống: 9.647.000 đồng; Tiền thăm định giá khám sức khỏe học sinh: 2.420.000 đồng; Tiền gia hạn chữ ký số điện tử BHYT: 2.200.000 đồng; Tiền mua thuốc, vật tư y tế, in sổ theo dõi sức khỏe học sinh,... :11.930.400 đồng).

- Tồn quỹ: 68.796.958 đồng.

2. Nguồn CSVC:

- Số dư đầu năm 2023: 27.056.258 đồng.
- Tổng thu tiền điện, nước: 7.322.900 đồng.
- Tổng chi đến 27/9/2023: 22.235.802 đồng (bao gồm chi tiền điện, tiền nước tháng 6, 7 năm 2023).

- Tồn quỹ: 12.143.356 đồng.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện tài chính năm 2023 và năm học 2022-2023 trình Hội nghị Viên chức - Người lao động năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Công khai;
- Lưu: VT, VP_{KT}.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Kim Vân